

DỊCH VỤ THẺ ATM

TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP - KHU CHẾ XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Lệnh.

Sự chuyên môn hóa trong khâu tổ chức, quản lý, xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp-khu chế xuất (KCX-KCN) nhằm tạo ra môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về điện, nước, điện thoại, viễn thông; dịch vụ công cộng, các dịch vụ liên quan đến sản xuất cũng như đáp ứng các yêu cầu về môi trường, đảm bảo các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động hiệu quả - là những ưu thế của các KCN-KCX. Bên cạnh đó những thuận lợi về cơ chế chính sách, về môi trường pháp lý cũng là các yếu tố thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN-KCX trên địa bàn thành phố ngày càng phát triển hiệu quả. Về phương diện quản lý, quản trị kinh doanh, đây là cơ sở quan trọng để các NHTM mở rộng và phát triển các hoạt động dịch vụ ngân hàng. Đặc biệt là các dịch vụ tín dụng, dịch vụ thanh toán. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay khi dịch vụ thẻ ATM đã và đang phát triển mạnh gắn liền với những lợi ích mà dịch vụ này đem lại cho khách hàng và ngân hàng, cùng với những tiềm năng từ thị trường này mà các NHTM trên địa bàn thành phố cần đặc biệt quan tâm để phát triển hoạt động dịch vụ thẻ ATM trong các KCN-KCX, với những kỳ vọng về quy mô, số lượng và lợi ích đem lại từ dịch vụ này.

Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCX-KCN và sự cần thiết

phát triển dịch vụ ATM trong khu vực này:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong các KCX-KCN trên địa bàn thành phố ngày càng cao, mang lại ý nghĩa kinh tế - xã hội rất lớn đối với sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và kinh tế TP.Hồ Chí Minh nói riêng. Quá trình này được phản ánh bởi các chỉ số định lượng sau:

① Giá trị sản lượng công nghiệp do các doanh nghiệp trong KCX-KCN tạo ra, đóng góp vào GDP thành phố ngày càng cao trong 5 năm qua. Trong đó chỉ tính riêng năm 2004 giá trị sản lượng công nghiệp của các KCN-KCX đạt trên 2,27 tỷ USD, đóng góp 25,78% vào GDP của thành phố. Năm 2005 tổng giá trị sản lượng công nghiệp do các doanh nghiệp trong KCX-KCN tạo ra đạt khoảng trên 2,15 tỷ, chiếm trên 19% tổng GDP của thành phố.

② Hoạt động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố đã góp phần thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước phát triển:

- Thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, quan hệ kinh tế thương mại với nước ngoài, với thị trường thế giới phát triển. Tổng kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp trong KCN-KCX trong năm 2005 đạt: 1.998,8 triệu USD, chiếm 16,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thành phố. Trong đó chỉ tính riêng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài đạt: 1.859,98 triệu USD, chiếm tới 75% kim ngạch xuất khẩu FDI của thành phố.

- Thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước phát triển thông qua việc tiêu thụ hàng hóa nội địa (mua nguyên liệu đầu vào) cũng như thực hiện hợp đồng gia công hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong KCX-KCN. Chỉ tính riêng trong năm 2005 tổng giá trị hàng hóa nội địa bán vào KCX đạt trên 80 triệu USD, tăng 22,32% so với năm 2004. Trong đó chủ yếu các mặt hàng gỗ, bao bì, sắt thép, xăng dầu và nguyên liệu nhựa.

③ Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong các KCX-KCN ngày càng tăng. Đến nay đã có 802 doanh nghiệp đang hoạt động trong KCX-KCN trên địa bàn thành phố. Gồm 449 doanh nghiệp trong nước và 353 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký đạt 2,318 tỷ USD. Kết quả là tạo điều kiện mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố, gia tăng sản lượng hàng hóa, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế thành phố nói riêng và cả nước nói chung.

- Mặt khác sự phát triển về số lượng các doanh nghiệp, gắn liền với quá trình phát triển sản xuất, thu hút lao động và tạo công ăn việc làm ngày càng nhiều cho người lao động, tạo thu

Ngân hàng Nhà nước TP. HCM ()*

nhập, hạn chế những phát sinh tệ nạn xã hội do thất nghiệp. Hiện nay tổng số lao động đang làm việc trong KCX-KCN đạt 179.783 lao động, tăng gần 2 lần so với năm 2001. Điều này mang lại ý nghĩa kinh tế-xã hội rất lớn đối với sự tăng trưởng và phát triển bền vững của nền kinh tế.

Hoạt động của các doanh nghiệp trong KCX-KCN ngày càng hiệu quả, số lượng doanh nghiệp hoạt động có lãi ngày càng tăng, gắn liền với quá trình này là tổng mức nộp ngân sách của khu vực này ngày càng cao. Năm 2001 tổng số tiền nộp ngân sách đạt: 149 tỷ đồng, đến năm 2005 tổng số nộp ngân sách đạt: 530 tỷ đồng, tăng 3,5 lần so với năm 2001.

Có thể nói hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCX-KCN cùng với sự gia tăng ngày càng cao về quy mô hoạt động, quy mô vốn đầu tư, số lượng doanh nghiệp, số lượng người lao động – Là các yếu tố có tác động tích cực đến thị trường hàng hóa, thị trường tiền tệ trong kế hoạch phát triển các hoạt động dịch vụ ngân hàng. Đây là cơ sở thuận lợi, điều kiện thuận lợi để các NHTM trên địa bàn phát triển các hoạt động dịch vụ ngân hàng nói chung và dịch vụ thẻ ATM nói riêng.

Ba vấn đề cần quan tâm về dịch vụ thẻ ATM.

Thứ nhất: Quy mô phát triển.

Có thể nói tiềm năng thị trường thẻ ATM trong các KCX-KCN là rất lớn. Với thị trường gồm 802 doanh nghiệp đang hoạt động, với 179.783 lao động sẽ là giới hạn lớn nhất về số lượng thẻ phát hành (tại thời điểm hiện nay). Trong khi đó tổng số thẻ ATM đã phát hành của các NHTM trên toàn địa bàn TP đến năm 2005 đạt 539.028

thẻ, với tổng doanh số hoạt động thẻ đạt 11.444 tỷ. Như vậy nếu khai thác tốt thị trường này đạt được từ 50%-70% số lượng lao động trong các KCX-KCN mở tài khoản và sử dụng thẻ ATM thì tổng số lượng thẻ ATM phát hành riêng trong KCX-KCN đạt khoảng 90.000 thẻ - 126.000 thẻ. Đây là chỉ tiêu kỳ vọng mà các NHTM cần đặc biệt quan tâm để có giải pháp phát triển.

Thực tế hiện nay mới chỉ có 36 máy ATM được lắp đặt tại các KCX-KCN chiếm 9,16% tổng số máy trên địa bàn; số lượng lao động sử dụng thẻ; doanh số hoạt động thẻ vẫn còn thấp so với nhu cầu thị trường.

Thứ hai: Chất lượng dịch vụ thẻ chưa cao, tiện ích thẻ chưa đa dạng, phong phú. Hiện nay tiện ích dịch vụ thẻ ATM tại các KCX-KCN chủ yếu là rút tiền mặt, và chủ yếu được sử dụng tại các máy ATM lắp đặt tại các KCX-KCN vì vậy phụ thuộc rất nhiều vào thẻ ATM của ngân hàng phát hành. Trong khi đó tiện ích từ việc liên kết, kết nối giữa các máy ATM của các NHTM chưa được khai thác hiệu quả. Tình trạng thẻ ATM của NHTM này chỉ sử dụng được duy nhất một máy vẫn còn phổ biến. Điều này cũng tác động ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình thu hút khách hàng, người lao động mở và sử dụng thẻ ATM trong các KCX-KCN.

- Bên cạnh đó những rủi ro phát sinh liên quan đến hoạt động dịch vụ thẻ ATM trong các KCX-KCN cũng cần đặc biệt quan tâm. Sở dĩ đặt vấn đề này vì rất nhiều trường hợp, khách hàng sử dụng thẻ ATM là các công nhân thường cung cấp mã PIN và đưa thẻ cho bạn bè rút tiền hộ. Tình trạng này nếu bị lợi dụng sẽ phát

sinh nhiều phiền toái cho khách hàng và cả ngân hàng mà những hiện tượng gian lận thẻ ATM vừa qua là minh chứng thực tế cho vấn đề này.

Thứ ba: Hiệu quả dịch vụ: Có thẻ nói tiện ích dịch vụ thẻ ATM trong các KCX-KCN mang lại rất lớn cho ngân hàng, người lao động và doanh nghiệp. Với 03 lợi ích chủ yếu sau:

- Thực hiện thanh toán lương không dùng tiền mặt, tiết kiệm được các chi phí liên quan đến việc chi lương bằng tiền mặt, cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp.

- Tiện ích và an toàn cho người lao động nhờ sử dụng thẻ: không phải giữ tiền mặt (thường không an toàn đối với công nhân ở nhà trọ); chi tiêu kế hoạch và tiết kiệm. Đây là những tiện ích rất phù hợp với người lao động làm việc trong các KCX-KCN xa quê hương và đang ở nhà thuê.

- Thông qua việc sử dụng thẻ ATM của người lao động, tiền trong tài khoản thẻ sẽ là nguồn vốn tiền gửi mang lại lợi ích rất cao cho các ngân hàng thương mại nhờ lãi suất phải trả thấp. Mặc dù loại vốn huy động này có tính hoạt kỳ cao, song các NHTM có kế hoạch và khả năng khai thác và sử dụng vốn hợp lý sẽ mang lại lợi nhuận lớn. Bên cạnh đó khi dịch vụ này phát triển mạnh trong nền kinh tế, thẻ ATM trở thành “ví điện tử” thay thế thói quen sử dụng tiền mặt (điều này chắc chắn xảy ra trong nền kinh tế hiện đại và hội nhập quốc tế) thì phí sử dụng thẻ cùng với phí rút tiền mặt, phí thanh toán chuyển tiền sẽ là một trong thu nhập quan trọng của dịch vụ ATM. Lợi ích này các NHTM cần quan tâm để có kế hoạch phát triển phù hợp.

Một số giải pháp phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ thẻ ATM trên địa bàn thành phố:

Qua phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả hoạt động của các KCX-KCN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như trên cho thấy đây là môi trường kinh doanh thuận lợi cho sự phát triển các dịch vụ ngân hàng nói chung và dịch vụ thẻ ATM nói riêng. Trên cơ sở đó, đặt trong mối liên hệ với các vấn đề cần quan tâm về dịch vụ này. Bài viết đưa ra một số giải pháp để thúc đẩy hoạt động dịch vụ này phát triển mở rộng và ngày càng hiệu quả:

- Tăng cường khả năng phối hợp giữa các TCTD trong việc phát triển dịch vụ này, hạn chế tối đa hiện tượng trong một KCX-KCN có nhiều máy ATM của các TCTD khác nhau. Điều này làm giảm hiệu quả đầu tư, hạn chế lợi

ích đem lại cho khách hàng. Bên cạnh đó còn phát sinh những sự cạnh tranh không tích cực tác động ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng. Thực tế để thực hiện giải pháp này còn khó bởi lợi ích trước mắt giữa các TCTD trong liên kết, phối hợp dịch vụ có thể chưa hợp lý, chưa thỏa đáng, và còn mang yếu tố tâm lý về cạnh tranh.... Tuy nhiên về chiến lược lâu dài sự phối hợp, liên kết trong thanh toán thẻ ATM mang lại lợi ích kinh tế là rất lớn cho các TCTD và cho khách hàng.

- Tăng cường công tác quảng cáo, thông tin tuyên truyền. Hoạt động này là rất cần thiết đối với các KCX-KCN. Khách hàng sử dụng dịch vụ ATM là cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực này. Trong đó đại bộ phận là công nhân. Vì vậy cần phải tuyên truyền đầy đủ các thông tin về dịch vụ: tiện ích; cách sử dụng và những rủi ro có

thể phát sinh, nhằm thu hút công nhân sử dụng dịch vụ; nhận thức được những rủi ro phát sinh trong khi dùng thẻ (nhờ rút tiền hộ; để lộ mã PIN...); cũng như ứng dụng dịch vụ đáp ứng cho nhu cầu của mình (không chỉ rút tiền mặt, mà còn nhiều dịch vụ khác của thẻ).

- Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ ngân hàng (tín dụng; thanh toán; kinh doanh ngoại hối...) tại các KCX-KCN nhằm thu hút doanh nghiệp khách hàng sử dụng các dịch vụ ngân hàng, đảm bảo tiến tới quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt tại các KCX-KCN trở thành phổ biến đối với cả các doanh nghiệp và cả đội ngũ cán bộ công nhân viên. Điều này là cơ sở và rất có ý nghĩa đối với các KCX-KCN bởi lẽ đã và đang xuất hiện “văn hóa thẻ ngân hàng” tại các KCX-KCN trên địa bàn thành phố ■

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT.. (tiếp theo trang 30)

Tương tự như biện pháp tăng tổng nguồn vốn, tổng tài sản, ngân hàng cũng có thể dùng biện pháp giảm qui mô nguồn vốn, tổng tài sản của mình để đạt được mục đích điều tiết rủi ro lãi suất. Chẳng hạn như ngân hàng phải bán các khoản đầu tư có lãi suất thay đổi và đồng thời cũng đem trả lại các khoản vốn vay có lãi suất cố định đã vay trên thị trường liên ngân hàng. Tuy nhiên, cũng như trường hợp trước, việc dùng biện pháp giảm qui mô tổng nguồn vốn (hay tổng tài sản) cũng cần hết sức thận trọng vì có thể là nhiều chỉ số hoạt động bị thay đổi theo chiều hướng xấu đi như chỉ số về khả năng chi trả, khả năng thanh toán tức thời của ngân hàng chẳng hạn.

SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ DERIVATIVE LÃI SUẤT

Để điều tiết rủi ro biến động lãi suất, ngày càng nhiều NHTM đã sử dụng đến các công cụ Derivat về lãi suất như Swaps, Option (Floors, Caps), Future,.... Việc sử dụng các công cụ lãi suất này để điều tiết rủi ro giúp cho ngân hàng có thể tránh được các hạn chế, khó khăn về cơ cấu, về các tỉ lệ an toàn khác nếu sử dụng biện pháp tăng hay giảm qui mô tổng nguồn vốn/ tổng tài sản. Thông thường, các lãi suất cố định được hoán đổi với các mức lãi suất biến đổi trong một khoảng thời gian nhất định được thỏa thuận thông qua nghiệp vụ Swap lãi suất. Với các nghiệp vụ Derivat lãi suất khác như Caps hay Floors, có thể hạn chế được lãi suất không biến đổi lên quá một trần

nào đó hay tụt xuống dưới một sàn nào đó. Việc sử dụng các công cụ Derivat lãi suất trên như thế nào sẽ phụ thuộc vào các yếu tố chủ yếu như độ co giãn lãi suất ở bên tài sản Có lớn hơn hay ở bên tài sản Nợ lớn hơn, xu hướng diễn biến của mặt bằng lãi suất trong tương lai như thế nào, có biến động lớn không, biến động theo chiều nào.

Với thực trạng hoạt động của các NHTM Việt Nam hiện nay, thiết nghĩ việc nhận biết và ứng dụng các phương pháp quản trị rủi ro lãi suất nhằm giảm rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các NHTM là hết sức cần thiết. Các ngân hàng cần nghiên cứu kỹ các phương pháp để lựa chọn, ứng dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của mình ■